

Số: 80 /KH-LĐLĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và 05 năm thực hiện Kết luận số 01/KL-BCH ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII), “về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Ủy ban Kiểm tra Công đoàn”

Thực hiện Kế hoạch số 176/KH-TLĐ ngày 18/12/2024 của Tổng LĐLĐ Việt Nam, Ban Thường vụ LĐLĐ thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và 05 năm thực hiện Kết luận số 01/KL-BCH ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII) “về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Ủy ban Kiểm tra Công đoàn”, nội dung cụ thể như sau:

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và Kết luận số 01/KL-BCH của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII) ở các cấp Công đoàn trong 10 năm qua, về những kết quả đạt được, khó khăn, yếu kém, vướng mắc, nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất kiến nghị tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết. Thông qua việc tổng kết, nhằm nâng cao nhận thức đối với cán bộ Công đoàn và trách nhiệm của các cấp Công đoàn trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Đánh giá khách quan, toàn diện việc triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và Kết luận số 01/KL-BCH của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII), nêu bật những kết quả đã đạt được, những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

- Phân tích, dự báo các vấn đề mới phát sinh trong tình hình mới để có định hướng, đề xuất thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

- Việc tổng kết Nghị quyết được tiến hành từ Công đoàn cơ sở trở lên, đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng địa phương, ngành và cơ sở.



II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

Căn cứ vào quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và Kết luận số 01/KL-BCH của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII) để tập trung đánh giá kết quả thực hiện, trong đó cần tâm trung phân tích, làm rõ một số nội dung như sau:

1. Công tác chỉ đạo quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và Kết luận số 01/KL-BCH của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII).

2. Tập trung đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết; các giải pháp thực hiện; Nguyên nhân chủ quan, khách quan của những kết quả đạt được và những hạn chế khuyết điểm, yếu kém, rút ra bài học kinh nghiệm sau 10 năm thực hiện Nghị quyết.

3. Kiến nghị, đề xuất (đối với Đảng, Nhà nước, tổ chức Công đoàn cấp trên).

4. Trên cơ sở đánh giá, dự báo sát tình hình để đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Ủy ban Kiểm tra Công đoàn trong những năm tiếp theo.

(Có đề cương báo cáo và phụ lục gửi kèm)

III. HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Đối với LĐLĐ thành phố Hà Nội

Căn cứ tình hình thực tế để lựa chọn hình thức phù hợp tổ chức đánh giá, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và 05 năm thực hiện Kết luận số 01/KL-BCH ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII), “về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Ủy ban Kiểm tra Công đoàn”.

2. Đối với các LĐLĐ quận, huyện, thị xã, Công đoàn ngành, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

Không tổ chức riêng hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và 05 năm thực hiện Kết luận số 01/KL-BCH ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII). Tùy theo điều kiện cụ thể có thể kết hợp nội dung tổng kết Nghị quyết tại hội nghị Ban Chấp hành cùng cấp hoặc bằng văn bản báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết gửi về LĐLĐ thành phố Hà Nội.

3. Đối với các CĐCS và CĐCS trực thuộc LĐLĐ thành phố Hà Nội

Xây dựng Báo cáo đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và 05 năm thực hiện Kết luận số 01/KL-BCH ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII). Báo cáo và biểu thống kê số liệu gửi về Công đoàn cấp trên trực tiếp để tổng hợp.



IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Nghị quyết; Đề cương báo cáo và các phụ lục số liệu gửi các cấp Công đoàn thành phố. *Thời gian thực hiện: hoàn thành trong tháng 12/2024.*

2. Các LĐLĐ quận, huyện, thị xã, Công đoàn ngành, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở: Chỉ đạo, hướng dẫn CĐCS xây dựng Báo cáo đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết và tổng hợp kết quả thực hiện, tổ chức tổng kết ở cấp mình, gửi báo cáo về LĐLĐ thành phố Hà Nội (qua Ủy ban Kiểm tra LĐLĐ Thành phố). *Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 15/02/2025.*

3. Ban Thường vụ LĐLĐ Thành phố tổ chức tổng kết và gửi Báo cáo về Tổng LĐLĐ Việt Nam. *Thời gian thực hiện: hoàn thành trước ngày 28/02/2025.*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Kiểm tra Liên đoàn Lao động Thành phố

- Tham mưu, ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Nghị quyết. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các LĐLĐ quận, huyện, thị xã, Công đoàn ngành, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và CĐCS tiến hành tổng kết theo Kế hoạch này.

- Tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo và chủ trì phối hợp với Văn phòng, các ban LĐLĐ Thành phố tham mưu đánh giá tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và 05 năm thực hiện Kết luận số 01/KL-BCH ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XII) “về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Ủy ban Kiểm tra Công đoàn”.

- Chủ trì phối hợp với Văn phòng, các ban LĐLĐ Thành phố tham mưu phục vụ Đoàn Khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Tổng LĐLĐ Việt Nam (Nếu có).

2. LĐLĐ các quận, huyện, thị xã, Công đoàn ngành, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

Căn cứ Kế hoạch của LĐLĐ Thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể; chỉ đạo, hướng dẫn CĐCS thực hiện việc đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết và tổng hợp kết quả báo cáo về LĐLĐ thành phố Hà Nội, đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị liên hệ Ủy ban Kiểm tra LĐLĐ thành phố Hà Nội để hướng dẫn, thực hiện. *Quang*

Nơi nhận:

- Tổng LĐLĐ Việt Nam; (Để báo cáo)
- Thường trực LĐLĐ TP; (Để chỉ đạo)
- Các ban, Văn phòng LĐLĐ TP; (Để PH)
- LĐLĐ Q, H, TX, CDN, CĐCTTCS (th/hiện);
- Lưu VT, UBKT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Phạm Quang Thanh

Số: /BC-.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam (khóa XI) và 05 năm thực hiện Kết luận số 01/KL-BCH ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành LĐLĐ Việt Nam (khóa XII), “về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Ủy ban Kiểm tra Công đoàn”
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-LĐLĐ ngày tháng 12 năm 2024)

Phần thứ nhất KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình tổ chức và hoạt động

- Tình hình tổ chức Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp; đầu mối tham mưu, giúp việc của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn LĐLĐ quận, huyện, thị xã, Công đoàn ngành, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở trực thuộc;
- Số lượng, cơ cấu, chất lượng¹ đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát (bao gồm ủy viên Ủy ban Kiểm tra và cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát).

2. Thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện Nghị quyết

- Thuận lợi.
- Khó khăn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết

1.1. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Việc triển khai phổ biến, quán triệt Nghị quyết của ban chấp hành, ban thường vụ và Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp.
- Những hạn chế, khó khăn trong công tác tổ chức, quán triệt và chỉ đạo triển khai thực hiện.

1.2. Công tác ban hành chương trình, kế hoạch, các văn bản cụ thể hóa Nghị quyết.

1.3. Công tác chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

1.4. Công tác sơ kết, tổng kết Nghị quyết.

2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết²

¹ Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị và các điều kiện, tiêu chuẩn khác của đội ngũ ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp.

² Căn cứ chỉ tiêu của Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015.

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết đề ra, gắn với từng nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Cụ thể các chỉ tiêu:

- Hàng năm có 100% Ủy ban Kiểm tra LĐLĐ quận, huyện, thị xã, Công đoàn ngành, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; ít nhất 80% Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, 50% Công đoàn cơ sở tổ chức kiểm tra tài chính cùng cấp;

- Hàng năm Ủy ban Kiểm tra LĐLĐ quận, huyện, thị xã, Công đoàn ngành, Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức kiểm tra ít nhất 15% Công đoàn cấp dưới về tài chính, 10% về chấp hành Điều lệ Công đoàn;

- 100% dấu hiệu vi phạm khi phát hiện được kiểm tra kịp thời;

- 100% đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền Công đoàn được giải quyết và 70% đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền cơ quan nhà nước và tổ chức khác liên quan đến quyền lợi của đoàn viên và người lao động Công đoàn có văn bản tham gia thể hiện rõ quan điểm giải quyết;

- Ít nhất 80% cán bộ chuyên trách Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có trình độ đại học, trong đó số cán bộ được bổ trí mới từ năm 2016 trở đi đảm bảo cơ cấu 50% được đào tạo về chuyên ngành luật và 50% về chuyên ngành tài chính, kế toán;

- Trong nhiệm kỳ 100% cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cấp trên cơ sở và 70% trở lên cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra và Công đoàn.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp³

3.1. Về nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Công đoàn các cấp đối với công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn

- Việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết, quy định của tổ chức Công đoàn về công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn.

- Việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của ban chấp hành, ban thường vụ và chủ tịch Công đoàn các cấp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn.

- Nâng cao vai trò hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết, chỉ thị, quy định của tổ chức Công đoàn về công tác kiểm tra, giám sát trong tổ chức Công đoàn.

3.2. Về đổi mới phương thức hoạt động của Ủy ban Kiểm tra, tăng cường số lượng và chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát

³ Căn cứ nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 và Kết luận số 01/KL-BCH ngày 15/3/2021.

- Kết quả thực hiện giải pháp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của ban chấp hành, ban thường vụ Công đoàn các cấp đối với hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn; xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn; tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

- Kết quả về tăng cường về số lượng, nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát, lựa chọn nội dung kiểm tra, giám sát phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm; kết luận kiểm tra phải khách quan, chính xác, trung thực, đánh giá đúng ưu điểm; hạn chế, kiến nghị xử lý kịp thời các hành vi vi phạm; chú trọng giám sát việc thực hiện các nội dung kết luận, kiến nghị của đoàn kiểm tra.

- Kết quả về chủ động tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ Công đoàn trong việc xử lý kỷ luật, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền Công đoàn và tham gia với cơ quan chức năng giải quyết các đơn thư liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên, CNVCLĐ. Thực hiện việc giám sát đối với ủy viên ban chấp hành, cán bộ Công đoàn cùng cấp và tổ chức Công đoàn cấp dưới theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Về thường xuyên cập nhật các văn bản có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn đưa lên trang thông tin điện tử của từng đơn vị để Công đoàn cấp dưới được cập nhật kịp thời; thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo với Công đoàn cấp trên.

- Kết quả về ứng dụng công nghệ thông tin, kịp thời cập nhật, hệ thống hóa các văn bản, chính sách, tài liệu mới có liên quan để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát Công đoàn.

3.3. Kiện toàn, củng cố tổ chức, và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp

- Kết quả rà soát, kiện toàn tổ chức Ủy ban Kiểm tra, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra Công đoàn có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất năng lực công tác, am hiểu Công đoàn, chính sách pháp luật; chuẩn bị tốt nhân sự Ủy ban Kiểm tra Công đoàn trước mỗi kỳ đại hội, cán bộ chuyên trách Ủy ban Kiểm tra đảm bảo cơ cấu 50% được đào tạo về chuyên ngành luật và 50% về chuyên ngành tài chính, kế toán, kinh tế.

- Kết quả thực hiện giải pháp: Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có từ 03 cán bộ chuyên trách Công đoàn phải bố trí 01 cán bộ chuyên trách Công đoàn làm công tác kiểm tra.

- Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát (đối tượng đào tạo bồi dưỡng, số người, số lớp, nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng); Kết quả xây dựng, củng cố đội ngũ báo cáo viên, giảng viên kiêm chức là cán bộ chuyên trách Ủy ban Kiểm tra, có kế hoạch đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ kiểm tra như tài chính, pháp luật và Công đoàn tại các cơ sở đào tạo phù hợp với từng chuyên ngành để nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng cho cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp hàng năm.

3.4. Về đảm bảo điều kiện làm việc và hoàn thiện cơ chế chính sách đối với cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho hoạt động Ủy ban Kiểm tra như phòng làm việc, phòng tiếp đoàn viên và người lao động; đảm bảo trang thiết bị cần thiết cho cán bộ Ủy ban Kiểm tra hoạt động.

- Về việc sắp xếp thời gian và tạo điều kiện để cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp tham gia các hoạt động của Ủy ban Kiểm tra. Có cơ chế đảm bảo hoạt động và can thiệp, bảo vệ kịp thời khi cán bộ ủy ban kiểm tra bị xâm phạm; hỗ trợ, giúp đỡ cán bộ ủy ban kiểm tra Công đoàn khi gặp khó khăn.

- Về đầu tư kinh phí hoạt động đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ kiểm tra, kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ Ủy ban Kiểm tra hàng năm.

- Về vận dụng các chế độ, chính sách của cán bộ kiểm tra của Đảng và thanh tra Nhà nước đối với cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cho phù hợp.

3.5. Công tác khen thưởng, kỷ luật về công tác kiểm tra, giám sát.

Việc biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể làm tốt công tác kiểm tra, giám sát và phê bình, xử lý kỷ luật cá nhân, tập thể không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nguyên tắc kiểm tra, giám sát.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

2.2. Nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Kiến nghị, đề xuất (đối với Đảng, Nhà nước, tổ chức Công đoàn cấp trên).

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

2. Chỉ tiêu cụ thể

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo Công đoàn các cấp đối với công tác kiểm tra, giám sát và hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn

2. Về đổi mới phương thức hoạt động của Ủy ban Kiểm tra, tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát.

3. Về củng cố, kiện toàn tổ chức của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát Công đoàn các cấp

4. Về đảm bảo điều kiện làm việc và hoàn thiện cơ chế chính sách đối với người làm công tác kiểm tra, giám sát

5. Công tác khen thưởng, kỷ luật về công tác kiểm tra, giám sát.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành trung ương và tương đương, Công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

4. Đối với Công đoàn cơ sở.

Nơi nhận:

- LĐLĐ thành phố: (Để Báo cáo)
-;
- Lưu...

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

TỔ CHỨC ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN

(Biểu số liệu phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Về tổ chức			Về cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát										Chuyên ngành đào tạo cán bộ làm công tác kiểm tra			
			Số lượng đầu mỗi công đoàn (đơn vị)	Số CĐ cấp trên TTCS có từ 03 cán bộ CĐ chuyên trách trở lên đã bố trí cán bộ chuyên trách CĐ làm công tác kiểm tra (đơn vị)	Số lượng đầu mỗi ủy ban kiểm tra (đơn vị)	Việc bố trí chủ nhiệm UBKT				Tổng số cán bộ UBKT	Ủy viên UBKT chuyên trách công đoàn	Ủy viên UBKT kiêm nhiệm	Cán bộ công đoàn chuyên trách (không phải ủy viên UBKT) làm công tác kiểm tra, giám sát	Số lượt cán bộ UBKT được bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát	Luật	Tài chính	Công đoàn	Chuyên ngành khác	
						Chủ nhiệm UBKT là Phó Chủ tịch kiêm	Ủy viên ban thường vụ	Ủy viên ban chấp hành	Số đơn vị chưa bố trí cán bộ chuyên trách công đoàn làm chủ nhiệm UBKT										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(13)+(14)+(15)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
1	Tổng Liên đoàn	2021		x															
		2022		x															
		2023		x															
		2024		x															
		2021-2024	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
2	LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành TW và tương đương	2021		x															
		2022		x															
		2023		x															
		2024		x															
		2021-2024	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
3	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	2021																	
		2022																	
		2023																	
		2024																	
		2021-2024	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
4	Công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn	2021		x															
		2022		x															
		2023		x															
		2024		x															
		2021-2024	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x

Ghi chú: Không điền số liệu vào những cột có dấu X

KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VÀ GIÁM SÁT
(Biểu số liệu phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Số liệu về kiểm tra chấp hành Điều lệ					Số liệu về giám sát				Ghi chú	
			Số cuộc kiểm tra	Trong đó		Số có khuyết điểm, vi phạm		Số cuộc giám sát		Số có khuyết điểm, vi phạm			
				Kiểm tra CĐ cùng cấp	Kiểm tra CĐ cấp dưới	Tổ chức CĐ cùng cấp	Tổ chức CĐ cấp dưới	Đối với tổ chức	Đối với cán bộ CĐ	Đối với tổ chức	Đối với cán bộ CĐ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
1	Tổng Liên đoàn	2021											
		2022											
		2023											
		2024											
		2021-2024											
2	LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành TW và tương đương	2021											
		2022											
		2023											
		2024											
		2021-2024											
3	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	2021											
		2022											
		2023											
		2024											
		2021-2024											
4	Công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn	2021											
		2022											
		2023											
		2024											
		2021-2024											
5	Tổng cộng	2021											
		2022											
		2023											
		2024											
		2021-2024											

Ghi chú: Chỉ tiêu các dòng "2021-2024" là tổng cộng từ năm 2021 đến năm 2024

KẾT QUẢ KIỂM TRA KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT
(Biểu số liệu phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Số cuộc kiểm tra				Số vi phạm		Số bị xử lý kỷ luật									
			Kiểm tra cùng cấp		Kiểm tra cấp dưới		Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên	Tổ chức			Cán bộ				Đoàn viên		
			Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên	Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên			Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ	Khiển trách	Cảnh cáo	Khai trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(20)	(21)	(22)
1	Tổng Liên đoàn	2021																
		2022																
		2023																
		2024																
		2021-2024																
2	LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành TW và tương đương	2021																
		2022																
		2023																
		2024																
		2021-2024																
3	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	2021																
		2022																
		2023																
		2024																
		2021-2024																
4	Công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn	2021																
		2022																
		2023																
		2024																
		2021-2024																
5	Tổng cộng	2021																
		2022																
		2023																
		2024																
		2021-2024																

Ghi chú: Chỉ tiêu ở các dòng "2021-2024" là tổng cộng số liệu từ năm 2021 đến năm 2024

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA QUẢN LÝ SỬ DỤNG
TÀI CHÍNH, TÀI SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CÔNG ĐOÀN
(Biểu số liệu phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

ST T	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Kiểm tra cùng cấp							Kiểm tra cấp dưới						Ghi chú
			Số đơn vị quản lý hiện có	Số đơn vị đã kiểm tra	Truy nộp 2% KPCĐ (triệu đồng)	Truy nộp 1% ĐP (triệu đồng)	Truy nộp để ngoài sổ KT (triệu đồng)	Truy nộp khác (triệu đồng)	Tổng truy nộp (triệu đồng)	Số cuộc kiểm tra	Truy nộp 2% KPCĐ (triệu đồng)	Truy nộp 1% ĐP (triệu đồng)	Truy nộp để ngoài sổ KT (triệu đồng)	Truy nộp khác (triệu đồng)	Tổng truy nộp (triệu đồng)	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7 = 3+4+5+6	8	9	10	11	12	13 = 9+10+11+12	14
1	Tổng Liên đoàn	2021														
		2022														
		2023														
		2024														
		2021-2024														
2	LĐLĐ tỉnh, TP, CĐN TW và tương đương	2021														
		2022														
		2023														
		2024														
		2021-2024														
3	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	2021														
		2022														
		2023														
		2024														
		2021-2024														
4	Công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn	2021														
		2022														
		2023														
		2024														
		2021-2024														
5	Tổng cộng	2021														
		2022														
		2023														
		2024														
		2021-2024														

Ghi chú: Chỉ tiêu trên các dòng "2021-2024" bằng tổng cộng số liệu từ năm 2021 đến năm 2024

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT VÀ THAM GIA GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
(Biểu số liệu phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ ngày 03/8/2015 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Số TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Số lượt người đến KNTC	Số đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của công đoàn				Số đơn thư KN,TC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác				Kết quả							
				Số đơn khiếu nại		Số đơn tố cáo		Số đơn khiếu nại		Số đơn tố cáo		Số người được trở lại làm việc	Số người được hạ mức kỷ luật	Số tiền bồi thường hỗ trợ (triệu đồng)	Số người được giải quyết về lương	Số người được giải quyết về BHXH	Số người được giải quyết về BHYT	Số người được giải quyết về BHTN	Số người được giải quyết về trợ cấp thôi việc
				Số đơn nhận được	Số đơn được giải quyết	Số đơn nhận được	Số đơn được giải quyết	Số đơn nhận được	Số đơn được giải quyết	Số đơn nhận được	Số đơn được giải quyết								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Tổng Liên đoàn	2021																	
		2022																	
		2023																	
		2024																	
		2021-2024																	
2	LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành TW và TĐ	2021																	
		2022																	
		2023																	
		2024																	
		2021-2024																	
3	Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	2021																	
		2022																	
		2023																	
		2024																	
		2021-2024																	
4	Công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn	2021																	
		2022																	
		2023																	
		2024																	
		2021-2024																	
5	Tổng cộng	2021																	
		2022																	
		2023																	
		2024																	
		2021-2024																	

Ghi chú: Chỉ tiêu ở các dòng "2021-2024" là tổng cộng số liệu từ năm 2021 đến năm 2024